

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM SÁCH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 7 - 2024
V/v tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Diệp.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Luận và bà Trần Thị Liên

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Công – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Phùng Văn Huân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Nam Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 75/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 09/2024/QĐHPTST-HNGĐ ngày 15/7/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1992

Nơi ĐKKHKT và cư trú tại: **Thôn C, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương.**

Bị đơn: Anh **Nguyễn Hồng H**, sinh năm 1988

Nơi ĐKKHKT và cư trú tại: **Thôn C, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương.**

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh **H**: Ông **Đặng Thái L1**, sinh năm 1985; Địa chỉ: **Khu dân cư T, phường S, TP C, tỉnh Hải Dương.**

Đều có mặt tại phiên tòa.

- Những người làm chứng:

+ Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1963

Nơi ĐKKHKT và cư trú tại: **Thôn C, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương**.
Vắng mặt.

+ Bà **Vương Thị T**, sinh năm 1974

Nơi ĐKKHKT và cư trú tại: **Thôn C, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương**. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị **L** trình bày:*

Về quan hệ vợ chồng: Chị **Nguyễn Thị L** và anh **Nguyễn Hồng H** tự nguyện tìm hiểu, hai bên tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương, đăng ký kết hôn tại **UBND xã T** ngày 07/3/2012. Trước khi kết hôn anh chị có bị hai gia đình ngăn cản vì có họ xa. Sau khi cưới chúng tôi chung sống hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Anh **H** luôn kiểm soát chị và ghen tuông vô cớ. Do không chịu đựng được chị phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở cùng tôi để sinh sống từ 05/3/2024 và sống ly thân với anh **H** từ ngày đó. Ngoài ra, khi chị bỏ về anh **H** còn nhắn tin chửi bới, đe dọa đến sức khỏe, tính mạng của chị, gia đình chị buộc chị phải báo đến chính quyền địa phương can thiệp. Chị phải lánh nhà người thân một thời gian, sau đó lại quay về. Hiện chị đang ở nhà bố mẹ đẻ chị ở cùng **thôn C** Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích không đạt được và đã sống ly thân nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **H** để chị sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: chị **L**, anh **H** có 03 con chung là cháu **Nguyễn Huyền T1**, sinh ngày 18/7/2012, **Nguyễn Trung T2**, sinh ngày 08/02/2014 và cháu **Nguyễn Duy P**, sinh ngày 23/6/2016. Chị **L** đề nghị được nuôi cả 03 con chung vì các con đều có nguyện vọng ở với chị. Hiện tại các con lúc ở với chị ở nhà ông bà ngoại lúc ở với anh **H** ở nhà ông bà nội vì hai nhà gần nhau và cùng thôn. Khi nuôi con chị **L** tự nguyện không yêu cầu anh **H** cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị làm kinh doanh tự do, bán các mặt hàng hải sản, bán trực tiếp tại nhà bố mẹ đẻ chị và bán online chủ yếu là hải sản đông lạnh. Trước đây chị còn bán cả hoa quả, cây giống thu nhập khoảng 15 đến 30.000.000đ/tháng. Nhưng sau khi bị anh **H** đe dọa, **hack nick Z**, Face book của chị, không cho chị bán hàng. Chị không nhất trí giao con cho anh **H** nuôi dưỡng vì anh **H** làm lái xe, đi mấy ngày mới về một lần và không quan tâm, dạy bảo các con học hành. Các con có nói với chị là thường xuyên quát mắng làm các con sợ hãi không dám ở. Việc chăm

sóc con do chị là người trực tiếp chăm sóc, tiền học của con chị cũng là người đóng. Ông bà nội bận làm mỳ không thời gian chăm sóc các cháu. Hiện mẹ con chị đang ở nhà của bố mẹ đẻ chị. Chị và các con ở một tầng, diện tích khoảng 100m² với đầy đủ tiện nghi sinh hoạt. Ngoài ra, mẹ chị làm tự do có nhiều thời gian giúp chị chăm con, đưa đón con đi học khi chị đi giao hàng. Nếu được nuôi con chị **L** tự nguyện không yêu cầu anh **H** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa anh **H** trình bày:* Về quan hệ vợ chồng: Anh xác định chị **L** trình bày về quá trình tìm hiểu, chung sống, kết hôn như chị **L** đã trình bày là đúng. Tuy nhiên, mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu là do chị **L** thường xuyên đi xem bói toán, nhảy đồng nên bỏ bê gia đình, chồng con. Anh và gia đình khuyên ngăn nhưng không được. Chị **L** đã bỏ đi từ ngày 05/3/2024, cắt liên lạc và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Anh thừa nhận trước đây anh có đánh chị **L** nhưng chỉ để đe dọa. Anh nhắn tin cho chị **L** cũng là dọa để mong chị **L** quay về cùng anh nuôi con chứ anh không làm thật. Sau khi biết sai, anh đã sang nhà chị **L** nhiều lần xin lỗi nhưng đến nay chị **L** vẫn chưa quay về. Chị **L** làm đơn xin ly hôn, quan điểm của anh là không đồng ý ly hôn với lý do vì muốn giữ cho con cái ngoài ra không còn lý do nào khác.

Về con chung anh chị có 03 con chung như chị **L** trình bày. Hiện ba con lúc ở với chị **L** ở nhà bố mẹ đẻ chị **L** lúc ở cùng anh ở nhà bố mẹ đẻ anh. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì nguyện vọng của anh được nuôi cả ba con và tự nguyện không yêu cầu chị **L** cấp dưỡng nuôi con. Anh không nhất trí để chị **L** nuôi cả ba con vì chị **L** không có việc làm ổn định, không có thu nhập, bỏ bê con cái. Anh hiện làm lái xe, công việc ổn định thu nhập từ 25.000.000đ đến 33.000.000đ/tháng và có sự giúp đỡ của bố mẹ anh nên anh đủ điều kiện nuôi con. Anh đã cung cấp cho Tòa án Hợp đồng lao động cũng như bảng lương của anh. Nếu anh được nuôi con anh tự nguyện không yêu cầu chị **L** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên anh không yêu cầu giải quyết.

*Lời khai của các con chị **L**, anh **H**:* Tại biên bản ghi lời khai ngày 07/6/2024 của cháu **Nguyễn Huyền T1** sinh ngày 18/7/2012, cháu **Nguyễn Trung T2** sinh ngày 08/02/2014, cháu **Nguyễn Huy P1** sinh ngày 23/6/2016 (con anh **H**, chị **L**) tại gia đình anh **H** có sự chứng kiến của trưởng thôn **Chu Đ**, chị **L**, anh **H** thể hiện các cháu **T1**, **T2**, **P1** đều có nguyện vọng ở với mẹ.

Lời khai của ông **Nguyễn Văn N** (bố đẻ anh **H**) thể hiện: Ông là bố đẻ của anh **Nguyễn Hồng H** và là bố chồng của chị **Nguyễn Thị L**. Trước khi kết hôn anh **H** và chị **L** trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại **UBND xã T**. Sau khi cưới vợ chồng chị **L**, anh **Hà s** tại gia đình ông ở **thôn C** Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc và không có vấn đề gì. Tuy nhiên, mâu thuẫn bắt đầu kể từ chị **L** có đi làm cô đồng nhảy tại chùa rồi chị **L** bỏ ra thuê trọ ở **xã H** để bán hàng, thời gian cụ thể ông không nắm được nhưng cách đây khoảng hơn 1 năm. Vợ chồng có đánh cãi nhau về kinh tế, về việc ăn uống hàng ngày. Vợ chồng không có tình cảm với nhau nên toàn xưng mày tao với nhau. Chị **L** đã chính thức ra khỏi nhà ông cách đây khoảng mấy tháng nay, khi đi chị **L** không thông tin cho gia đình, cũng không liên lạc với ông và các con. Anh **H** và 03 con hiện đang sinh sống cùng gia đình ông, tuy nhiên anh **H** làm lái xe Contenno vài hôm lại về. Toàn bộ đồ đạc bán hàng chị **L** đã cho người mang về nhà bố mẹ đẻ chị **L** để. Ông được biết có việc anh **H** đe dọa chị **L** bằng lời nói để mục đích chị **L** quay về chứ anh **Hà k** dám làm gì, có lần anh **H** dùng gạch ném chị **L** nhưng thực tế ném ra ngoài chứ không ném vào người, mục đích cũng chỉ để dọa chị **L**. Chị **L** cũng đã có đơn gửi **công an xã T** về việc anh **H** đe dọa chị **L** nhưng không có việc anh **H** làm thật. Theo ông anh **H** rất yêu vợ nhưng không biết cách xử sự, lại hay ghen, không khéo ăn khéo nói rất đến mâu thuẫn vợ chồng. Nay, chị **L** có đơn xin ly hôn anh **H** quan điểm của ông với tư cách làm cha, làm mẹ đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con. Chị **L** và anh **H** có 03 con chung. Hiện các cháu đang ở cùng anh **H** và vợ chồng ông. Trường hợp Tòa án có căn cứ cho ly hôn thì nguyện vọng của gia đình ông đề nghị Tòa án giao cả 03 cháu cho anh **H** nuôi dưỡng. Hiện anh **H** làm lái xe thu nhập khoảng 30 triệu đồng/tháng. Hiện bố con anh **H** ở cùng vợ chồng ông, đất nhà ông rất rộng, có 02 mảnh to diện tích khoảng hơn 800m²; bố con anh **H** đang ở trên tầng 2 (gồm 02 phòng ngủ, nhà vệ sinh) của gia đình ông với đầy tiện nghi. Gia đình ông sau này cũng cho bố con anh **H** một mảnh để xây nhà ở. Ngoài ra, ông còn trẻ khỏe, làm mỳ gạo tại nhà, có thu nhập nên vừa có kinh tế, có thời gian để hỗ trợ anh **H** trong việc nuôi con, chăm sóc, đưa đón các cháu đi học khi anh **H** đi làm.

Biên bản ghi lời khai của bà **Vương Thị T** (mẹ đẻ chị **L**) thể hiện:

Khi chị **L** sinh con vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh **H** chơi bời dẫn đến nợ nần rồi cãi vã nhau. Mỗi lần cãi nhau anh **H** lại gọi bà lên để nói. Anh **H** luôn ghen tuông vô cớ. Đã nhiều lần chị **L** muốn ly hôn tuy nhiên gia đình bà động viên vì con nên cố gắng ở lại để nuôi con cho con đỡ khổ. Song anh **H** vẫn chứng nào tật nấy, vẫn nợ nần. Mặt khác, thời gian gần đây

do chị **L** không thể ở được vì anh **H** luôn mồm đe dọa sẽ giết. Sợ quá chị **L** về nhà bà ở rồi lại đi lánh vào trong miền nam, vào nhà họ hàng để tạm lánh đi một thời gian. Khi anh **H** nhắn tin, gọi điện đe dọa sẽ đặt mìn đến nhà bà để hại cả gia đình nhà bà, bà đã đến **công an xã T** trình bày với mong muốn ngăn ngừa hành vi có thể xảy ra nêu trên của anh **H**. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án chị **L** đã quay về nhà bà sinh sống. Nay, chị **L** có đơn xin ly hôn anh **H** quan điểm của bà với tư cách làm cha, làm mẹ đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết để con bà sớm ổn định cuộc sống vì chị **L** luôn bị khủng bố về tinh thần, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Chị **L** và anh **H** có 03 con chung. Hiện các cháu lúc ở nhà bà với mẹ, lúc ở nhà ông bà nội với bố. Trường hợp Tòa án có căn cứ cho ly hôn thì nguyện vọng của gia đình bà đề nghị Tòa án giao cả 03 cháu cho chị **L** nuôi dưỡng vì các cháu có nguyện vọng ở với mẹ. Chị **L** làm kinh doanh tự do, mặt hàng buôn bán chủ yếu là hải sản, bán tại nhà bà và bán online. Gia đình nhà bà rất rộng nhà 02 tầng, mỗi sàn khoảng gần 100m², nhà bếp cũng rất rộng, đầy đủ tiện nghi. Đất rộng khoảng hơn 300m². Hiện tại nhà bà chỉ có con trai bà vừa đi **N** về, về một thời gian lại đi. Chủ yếu vợ chồng bà và mẹ con chị **L** ở. Gia đình bà dành riêng cho mẹ con chị **L** một tầng để ở, cho ở lâu dài và thời gian tới gia đình bà sẽ xây riêng cho mẹ con chị **L** một ngôi nhà ở mảnh đất bên cạnh. Ngoài ra, bà còn trẻ khỏe, bà làm tự do nên có nhiều thời gian phụ giúp chị **L** trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, đưa đón con đi học nếu chị **L** bận, cần thiết gia đình bà giúp đỡ thêm cả về kinh tế.

*Biên bản xác minh tại **UBND xã T**, **Công an xã T**, và trưởng thôn Chu Đậu thể hiện:* Khoảng 2 tháng trước chị **L** gọi điện đến **Công an xã T** trình bày bị anh **H** dùng lời nói đe dọa chị **L** làm cho chị **L** sợ hãi không dám ở nhà. Sau đó mẹ chị **L** đến công an xã trình bày và nhờ giúp đỡ. Anh **H** hiện vẫn đang ở địa phương nhưng chưa có hành vi gì xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng của chị **L**. **UBND xã T** cung cấp chị **L**, anh **H** có đăng ký kết hôn tại **UBND xã T**, quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn nhau hay không và mâu thuẫn cụ thể thế nào **UBND xã** không nắm được. Qua nắm bắt thông tin địa phương được biết chị **L** và anh **H** đã sống ly thân. Khi chị **L** làm đơn xin ly hôn chị **L** không yêu cầu hòa giải cơ sở nên không biết lý do, nguyên nhân chính dẫn đến việc chị **L** xin ly hôn với anh **H**. **UBND xã T** đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị **L** giữ nguyên quan điểm xin ly hôn, đề nghị được nuôi cả ba con chung và không yêu cầu anh **H** cấp dưỡng nuôi con. Chị **L** không yêu cầu giải quyết về tài sản.

Anh **H** không đồng ý ly hôn, trường hợp có căn cứ cho ly hôn nguyện vọng của anh đề nghị được nuôi cả ba con và tự nguyện không yêu cầu chị **L** cấp dưỡng nuôi con. Anh không yêu cầu giải quyết về tài sản.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Anh **H** thừa nhận anh **H** có phần sai tuy nhiên anh **H** tha thiết vợ chồng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng này của anh **H**. Trường hợp Tòa án có căn cứ cho ly hôn đề nghị Tòa án giao cả ba con chung cho anh **H** trực tiếp nuôi dưỡng vì anh **H** có công việc và thu nhập ổn định hơn chị **L**.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị L**; Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị **Nguyễn Thị L** được ly hôn với anh **Nguyễn Hồng H**; Về con chung: Giao cháu **Nguyễn Huyền T1**, sinh ngày 18/7/2012 và cháu **Nguyễn Duy P**, sinh ngày 23/6/2016 cho chị **Nguyễn Thị L** trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 7/2024 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Giao cháu **Nguyễn Trung T2**, sinh ngày 08/02/2014 cho anh **Nguyễn Hồng H** trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 7/2024 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị **L** tự nguyện không yêu cầu anh **H** cấp dưỡng nuôi con chung. Chị **L**, anh **H** được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và nuôi dưỡng con chung không ai được cản trở; Về án phí: Chị **Nguyễn Thị L** phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị **Nguyễn Thị L** có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương giải quyết vụ án hôn nhân gia đình, hiện anh **Nguyễn Hồng H** có hộ khẩu thường trú và cư trú tại **thôn C, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương**. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa

án nhân dân huyện Nam Sách theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ vợ chồng: Chị **Nguyễn Thị L** và anh **Nguyễn Hồng H** trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu, hai bên tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương và tự nguyện đăng ký kết hôn tại **UBND xã T** ngày 07/3/2012 là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới, chị **L** và anh **H** về sống chung với gia đình anh **H** tại **thôn C, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương**. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Chị **L** bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở cùng thôn từ ngày 05/3/2024 và sống ly thân với anh **H** từ đó đến nay. Chị **L** xác định hiện không còn tình cảm với anh **H** và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **H**. Khi chị bỏ về nhà thì anh **H** còn nhắn tin chửi bới, đe dọa đến sức khỏe, tính mạng của chị và gia đình. Anh **H** và gia đình anh **H** thừa nhận anh **H** có lời nói đe dọa chị **L**, làm chị **L** sợ hãi. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, anh **H** không đồng ý ly hôn vì muốn giữ cho con cái. Như vậy, mối quan hệ vợ chồng giữa chị **L** và anh **H** đã phát sinh mâu thuẫn từ lâu, giữa hai vợ chồng không còn hạnh phúc, hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và đã sống ly thân nên cần xử cho chị **Nguyễn Thị L** được ly hôn anh **Nguyễn Hồng H** là phù hợp theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu **Nguyễn Huyền T1**, sinh ngày 18/7/2012, **Nguyễn Trung T2**, sinh ngày 08/02/2014 và cháu **Nguyễn Duy P**, sinh ngày 23/6/2016. Hiện 03 con lúc ở với chị **L**, lúc ở với anh **H**. Chị **L** có nguyện vọng được nuôi cả ba con vì cả ba con đều có nguyện vọng ở với chị. Chị **L** làm kinh doanh tự do tại gia đình và bán hàng online, thu nhập khoảng 15.000.000đ đến 30.000.000đ/tháng. Nếu ly hôn, chị và các con ở cùng bố mẹ chị ở **thôn C**, bố mẹ chị luôn tạo điều kiện cho chị về chỗ ở cũng như phụ giúp chị trong việc chăm sóc con. Anh **H** cũng có nguyện vọng được nuôi cả ba con vì anh có công việc, thu nhập ổn định. Anh **H** làm lái xe thu nhập khoảng 30.000.000đ/tháng. Nếu ly hôn anh và các con ở tại nhà bố mẹ đẻ anh ở cùng **thôn C**, bố mẹ anh cũng tạo điều kiện cho bố con anh về chỗ ở, sinh hoạt cũng như phụ giúp anh trong việc trông nom, chăm sóc con. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh **H** đề nghị Tòa án giao cả ba con cho anh **H** nuôi dưỡng là không đảm bảo được về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cũng như nguyện vọng của con. Xét nguyện vọng xin được nuôi con là nguyện vọng chính

đáng của chị **L** và anh **H**, anh chị đều đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con. Tuy nhiên, để đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho các con, đảm bảo sự công bằng về quyền lợi đồng thời cũng là nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng của cha mẹ đối với con chung, căn cứ vào nguyện vọng của các con nên Hội đồng xét xử xét thấy, cần giao cháu **T1**, cháu **P** cho chị **L** trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu **T2** cho anh **H** trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị **L** không yêu cầu anh **H** cấp dưỡng nuôi con chung. Chị **L**, anh **H** được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung không ai được cản trở là phù hợp quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên: Chị **L**, anh **H** không đề nghị giải quyết do vậy HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị **L** xin ly hôn nên phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị L**

- *Về quan hệ vợ chồng:* Xử cho chị **Nguyễn Thị L** được ly hôn với anh **Nguyễn Hồng H**.

- *Về con chung:* Giao cháu **Nguyễn Huyền T1**, sinh ngày 18/7/2012 và cháu **Nguyễn Duy P**, sinh ngày 23/6/2016 cho chị **Nguyễn Thị L** trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 7/2024 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Giao cháu **Nguyễn Trung T2**, sinh ngày 08/02/2014 cho anh **Nguyễn Hồng H** trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 7/2024 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị **L** tự nguyện không yêu cầu anh **H** cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị **L**, anh **H** được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và nuôi dưỡng con chung không ai được cản trở.

- *Về án phí:* Chị **Nguyễn Thị L** phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23 số 0001383 ngày 24/4/2024 của

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách. Chị **L** đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí.

Chị **L**, anh **H** có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nam Sách;
- Chi cục THADS huyện Nam Sách;
- Các đương sự;
- UBND xã Thái Tân, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương để lưu hồ tịch;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Điệp